



BẢNG THÔNG SỐ VAN CỔNG INOX

Thông số	Ý nghĩa	Giá trị/loại phổ biến	Lưu ý khi lựa chọn
Kích thước danh định DN	Cỡ danh nghĩa của van, không phải đường kính đo thực tế	DN15, DN25, DN50, DN80, DN100, DN150, DN200	Đối chiếu DN van với đường ống thực tế
Áp suất làm việc	PN và Class là 2 hệ phân cấp áp khác nhau	PN10, PN16, PN25, Class 150 tùy dòng và thiết kế	Áp cho phép phụ thuộc vật liệu, nhiệt độ, kết cấu; không quy đổi PN sang Class trực tiếp
Nhiệt độ làm việc	Giới hạn nhiệt theo thân, đĩa, bộ phận kín và áp suất	Theo vật liệu và model	Nhiệt ảnh hưởng độ bền, độ kín, tuổi thọ; không áp 1 giới hạn chung
Vật liệu thân van	Inox 304 chống gỉ thường, 316 chống chloride tốt hơn	Inox 304, inox 316 và vật liệu khác nếu phù hợp	Chọn theo môi chất, nồng độ, điều kiện vận hành
Vật liệu đĩa van	Đĩa nâng/hạ để cho phép hay ngăn dòng chảy	Inox 304, inox 316 hoặc vật liệu khác	Ảnh hưởng độ bền, chống ăn mòn và độ kín
Kiểu ty van	Ty nổi nâng lên khi mở, ty chìm xoay tại chỗ	Ty nổi (rising stem), ty chìm (non-rising stem)	Ty nổi dễ nhìn trạng thái nhưng cần khoảng trống phía trên; ty chìm gọn nơi thấp nhưng khó quan sát trực tiếp
Cơ cấu làm kín	Mặt kín giữa đĩa và thân van	Kim loại-kim loại hoặc vật liệu mềm tùy thiết kế	Môi chất, cặn, nhiệt độ và mài mòn ảnh hưởng độ kín
Kiểu kết nối	Cách nối van vào đường ống	Ren, mặt bích và kiểu khác nếu có	Chọn tương thích kiểu nối và chuẩn của hệ thống
Tiêu chuẩn kết nối	Quy cách ren và bích theo chuẩn	JIS, ASME/ANSI, EN/DIN hoặc BS tùy thiết kế	Khác kích thước bích, vòng chia lỗ, số lỗ; cùng DN khác chuẩn không lắp lẫn
Kiểu vận hành	Cách đóng mở van	Tay quay, hộp số, điện, khí nén	Chọn theo cỡ van, lực đóng mở, tần suất, tự động hóa; tay quay phổ biến nhưng không duy nhất
Đặc tính dòng chảy	Nâng hạ đĩa quyết định tiết diện dòng	Mở hoàn toàn hoặc mở một phần	Van cổng dùng để đóng ngắt; mở hé gây rung, mòn mặt kín
Hướng lắp đặt và chiều dòng chảy	Tư thế lắp và hướng dòng theo thiết kế	Theo hướng dẫn từng loại van	Tuân thủ hướng dẫn lắp, tránh ứng suất ống, chừa không gian bảo trì
Độ kín và thử nghiệm	Mặt kín quyết định độ kín khi đóng	Thử thân, thử kín; API 598 hoặc chuẩn phù hợp khi có căn cứ	Phân biệt yêu cầu thử với thực tế; không khẳng định kín tuyệt đối
Môi chất sử dụng	Chất đi qua van	Nước, khí, dầu, hơi, hóa chất	Xét tương thích thân, đĩa, bộ phận kín; lưu ý áp suất, nhiệt độ, cặn